

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày 15-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A, địa chỉ trụ sở chính: Số 191, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 21-03-2022/UQ-TCB ngày 10-02-2022). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2, cùng nơi cư trú: Xóm 3, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Hải, bà H2 có ký các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 56725/HĐTD/TH-TN/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013. Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 vay 600.000.000 đồng thời hạn vay là 84 tháng tính từ tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất 13,99%/năm áp dụng kể từ ngày giải ngân đến ngày 27-02-2014. Lãi suất áp dụng cho khách hàng tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 1 lần vào ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 5,25%/năm. Khách hàng có trách nhiệm trả nợ gốc trong vòng 84 kỳ (1 tháng/kỳ) vào các ngày 27 hàng tháng với số tiền trả mỗi kỳ là 7.142.000 đồng, kỳ đầu tiên là ngày 27-12-2013, kỳ cuối cùng 27-11-2020, tiền lãi trả mỗi tháng 1 lần vào ngày 27 hàng tháng.

Hợp đồng tín dụng số TNN20150683/HĐTD ngày 23-10-2015, Ngân hàng cho ông H1, bà H2 vay số tiền 330.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng, thời hạn vay 84 tháng; lãi suất vay trong hạn áp dụng trong thời gian 3 tháng đầu là 7,99%, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở vay tiêu dùng thể chấp bất động sản dài hạn + biên độ 4,99%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng 195m² đất và tài sản trên đất tại thửa 406 A, tờ bản đồ số 10, tại thôn 6, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 số BP 419306 số vào sổ CH 00195 ngày 05-11-2013 Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 56725/HĐTC-BDS/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 và Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26-10-2015, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Hải, bà H2 đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền của 02 hợp đồng tín dụng là: Nợ gốc: 684.603.000 đồng; nợ lãi: 422.454.796 đồng, sau đó ông H1, bà H2 không tiếp tục thanh toán mà để quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông H1, bà H2 trả nợ nhưng đều không thực hiện được. Đến ngày 12-8-2022 ông H1, bà H2 còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 56725/HĐTD/TH-TN/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 số tiền là 113.834.266 đồng (trong đó nợ gốc: 50.066.000 đồng, nợ lãi: trong hạn: 12.274.772 đồng; lãi quá hạn: 46.579.499 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 4.913.995 đồng). Hợp đồng tín dụng số TNN20150683/HĐTD ngày 23-10-2015 số tiền là 204.129.600 đồng (trong đó nợ gốc 120.496.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.632.460 đồng và quá hạn: 34.963.144 lãi chậm trả lãi 14.037.996 đồng). Tổng cộng là: 317.963.866 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hải Bà H2 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ trên và phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay tại Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hải, bà H2 nhưng ông Hải, bà H2 không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết vụ án. Tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và H2 giải ông Hải, bà H2 đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành H2 giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 116, 117, 317, 320, 321, 322, 323, Điều 466 BLDS; Các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại chưa thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 56725/HĐTD/TH-TN/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 và Hợp đồng tín dụng số TNN20150683/HĐTD ngày 23-10-2015. Không chấp nhận số tiền phạt chậm trả lãi. Trường hợp ông Hải, bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đề nghị phát mại tài sản thế chấp, trường hợp phát mại tài sản thế chấp không trả đủ nợ thì ông Hải, bà H2 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng. Ông Hải, bà H2 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 có mục đích vay tiêu dùng nên xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 56725/HĐTD/TH-TN/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 và Hợp đồng tín dụng số

TNN20150683/HĐTD ngày 23-10-2015 được ký giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 đã ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hải, bà H2 đã nhận đủ số tiền vay, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Đến ngày 12-8-2022 ông Hải, bà H2 còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 56725/HĐTD/TH-TN/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 số tiền là 108.920.271 đồng (*trong đó nợ gốc là 50.066.000 đồng, nợ lãi 58.854.271 đồng*). Hợp đồng tín dụng số TNN20150683/HĐTD ngày 23-10-2015 số tiền là 190.091.604 đồng (*trong đó nợ gốc 120.496.000 đồng; nợ lãi (trong hạn và quá hạn): 69.595.604 đồng*). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hải, bà H2 phải trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đối với số tiền phạt chậm trả lãi của Hợp đồng tín dụng số 56725/HĐTD/TH-TN/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 là 4.913.995 đồng và của Hợp đồng tín dụng số TNN20150683/HĐTD ngày 23-10-2015 là 14.037.996 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy : Trước ngày 15-3-2017, không có văn bản pháp luật nào quy định về việc bên cho vay được phạt chậm trả lãi. Ngày 30- 12- 2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mới ban hành Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (có hiệu lực từ ngày 15-3-202017) trong đó quy định về phạt vi phạm chậm trả lãi của khách hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Hải, bà H2 phải thanh toán số tiền chậm trả lãi là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số 56725/HĐTC-BĐS/TCB-HPG-TNN ngày 25 - 11 - 2013 và Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26 - 10 – 2015 được ký đúng quy định của pháp luật; Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Điều 5 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện. Nguyên đơn đề nghị phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận về tiền phạt chậm trả lãi.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 119, 293, 298, 317, 319, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 56725/HĐTD/TH-TN/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 số tiền 108.920.271 đồng (trong đó nợ gốc là 50.066.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.274.772 đồng, lãi quá hạn: 46.579.499 đồng) và Hợp đồng tín dụng số TNN20150683/HĐTD ngày 23-10-2015 số tiền là 190.091.604 đồng (trong đó nợ gốc 120.496.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 34.632.460 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.963.144 đồng). Tổng cộng là: 299.011.875 (*hai trăm chín mươi chín triệu, mười một nghìn, tám trăm bảy lăm*) đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 56725/HĐTC-BDS/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 và Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26-10-2015 được ký giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 195m² đất và tài sản trên đất tại thửa 406 A, tờ bản đồ số 10, tại thôn 6, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 số BP 419306 số vào sổ CH 00195 ngày 05-11-2013.

Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì ông Nguyễn Văn H1 và bà Vũ Thị H2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho

Ngân hàng. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

2. Không chấp yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam về việc buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Vũ Thị H2 phải trả số tiền lãi phạt của Hợp đồng tín dụng số 56725/HĐTD/TH-TN/TCB-HPG-TNN ngày 25-11-2013 là 4.913.995 đồng và Hợp đồng tín dụng số TNN20150683/HĐTD ngày 23-10-2015 là 14.037.996 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 phải chịu 14.950.600 đồng (*mười bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn, sáu trăm*) đồng án dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam phải chịu 947.600 (*chín trăm bốn bảy nghìn, sáu trăm*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007831 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam số tiền 16.727.400 (*mười sáu triệu, bảy trăm hai bảy nghìn, bốn trăm*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thi tiền trên.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị H2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

